**Tuần 21**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Toán - Lớp 1A**

**Chủ đề 6: Các số đến 100**

**Tên bài dạy: Bài 22: So sánh số có hai chữ số (3 tiết)**

*Thời gian thực hiện: Ngày 29, 30/1 và 1/2/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt:** Qua bài học này, hs cần đạt được:

**\* Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết cách so sánh các số có hai chữ số

Vận dụng để xếp thứ tự các số, xác định số lớn nhất , số bé nhất trong một nhóm các số cho trước ( có không quá 4 số)

**\* Phẩm chất:**

- Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn, góp phần phát triển tư duy và suy luận, năng lực giao tiếp toán học.

**\* Năng lực:** Góp phần phát triển năng lực: NL tư duy và lập luận; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học; NL mô hình hóa toán học.

- Phát triển năng lực phân tích, so sánh, đối chiếu khi tìm cách so sánh hai số. Năng lực vận dụng từ quy tắc (mô hình) so sánh hai số có hai chữ số vào các trường hợp cụ thể, giải các bài toán thực tế..

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

- Các phiếu (photo tranh bài tập 4 trong sách giáo khoa) để HS thực hiện theo cặp đôi.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **HĐ1. Khởi động(3’)**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài : So sánh số có hai chữ số | - Hát  - Lắng nghe |
| **HĐ2. Khám phá: (15’)**  **\* Hướng dẫn so sánh: 16 và 19**  - GV cho HS quan sát hình vẽ và hỏi:  + Đĩa thứ nhất có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 16 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 16  + Đĩa thứ hai có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 19 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 19  - GV hướng dẫn HS so sánh số 16 và 19.  - GV hướng dẫn HS so sánh chữ số ở hàng chục  - GV hướng dẫn HS so sánh chữ số ở hàng đơn vị?  - Vậy 6 đơn vị so với 9 đơn vị như thế nào?  - Vậy số16 như thế nào so với số 19?  - GV ghi bảng: 16 < 19  - Vậy số 19 như thế nào so với số 16?  - GV ghi bảng: 19 > 16  **\* So sánh: 42 và 25**  - GV ch HS quan sát hình vẽ và hỏi:  + Đĩa thứ nhất có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 42 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 42  + Đĩa thứ hai có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 25 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 25  - GV hướng dẫn HS so sánh số 42 và 25.  - GV hướng dẫn HS so sánh chữ số ở hàng chục  - Vậy 4 chục như thế nào so với 2 chục?  - Vậy số 42 như thế nào so với số 25?  - GV ghi bảng: 42 > 25  - Số 25 như thế nào so với số 42?  GV ghi: 25 < 42  *\* Gv chốt khi so sánh số có hai chữ số ta so sánh như sau: nếu số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hai số có số chục bằng nhau thì số nào có số đơn vị lớn hơn thì lớn hơn.*  *GIẢI LAO* | - HS quan sát, đếm số quả cà chua và nêu  + Có 16 quả cà chua  - Số 16 gồm 1 chục và 6 đơn vị.  + Có 19 quả cà chua  - Số 19 gồm 1 chục và 9 đơn vị.  - HS nêu hai số 16 và 19 đều có chữ số ở hàng chục bằng nhau là 1 chục.  - HS nêu: số 16 có 6 đơn vị, số 19 có 9 đơn vị.  - 6 đơn vị bé hơn 9 đơn vị  - Số 16 bé hơn số 19  - HS đọc: số mười sáu bé hơn số mười chín.  - Số 19 lớn hơn số 16  - HS đọc:số mười chín lớn hơn số mười sáu.  - HS quan sát, đếm số quả cà chua và nêu  + Có 42 quả cà chua  - Số 42 gồm 4 chục và 2 đơn vị.  + Có 25 quả cà chua  - Số 25 gồm 2 chục và 5 đơn vị.  - HS nêu số 42 có 4 chục; số 25 có 2 chục  - 4 chục lớn hơn 2 chục.  - Số 42 lớn hơn số 25  - HS đọc: Số bốn mươi hai lớn hơn số hai mươi lăm.  - Số 25 bé hơn số 42  - HS đọc: Số hai mươi lăm bé hơn số bốn mươi hai. |
| **HĐ3. Hoạt động: (15’)**  **\* Bài 1: So sánh ( theo mẫu)**  - Gv hướng dẫn mẫu 13 quả táo ít hơn 16 quả táo nên 13 < 16  - Cho HS làm bài vào vở  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - Số 25 gồm có mấy chục và mấy đơn vị?  - Số 15 gồm có mấy chục và mấy đơn vị?  - Yêu cầu HS nêu cách so sánh số 25 và số 15?  - Tiến hành tương tự với những bài còn lại.  - GV cùng HS nhận xét  *\* GV chốt khi so sánh số có hai chữ số nếu số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hai số có số chục bằng nhau thì số nào có số đơn vị lớn hơn thì lớn hơn.* | - Làm vào vở BT.  - HS nêu miệng:  + 25 quả táo nhiều hơn 15 quả táo nên 25 > 15  - Số 25 gồm 2 chục và 5 đơn vị.  - Số 15 gồm 1 chục và 5 đơn vị.  - HS nêu  + 14 quả táo ít hơn 16 quả táo nên 14 < 16  + 20 quả táo bằng 20 quả táo nên 20 = 20  - HS nhận xét bạn |
| **\* Bài 2: Túi nào lớn hơn?**  - GV cho HS nêu yêu cầu của bài.  - Cho HS quan sát tranh câu a  - Số 35 như thế nào so với số 53?  - Hỏi: Túi nào có số lớn hơn?  - Cho HS quan sát tranh câu b  - Số 57 như thế nào so với số 50?  - Hỏi: Túi nào có số lớn hơn?  - Cho HS quan sát tranh câu c  - Số 18 như thế nào so với số 68?  - Hỏi: Túi nào có số lớn hơn?  - GV cùng HS nhận xét | - HS nêu: Túi nào có số lớn hơn?  - HS quan sát.  - Số 35 bé hơn số 53.  - Túi 53 có số lớn hơn  - Số 57 lớn hơn số 50.  - Túi 57 có số lớn hơn  - Số 18 bé hơn số 68.  - Túi 68 có số lớn hơn  - HS nhận xét bạn |
| **\* Bài 3: >, <, =**  - GV cho HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS làm bài  - Yêu cầu HS nêu kết quả  - GV yêu cầu HS trình bày cách làm.  - GV cùng HS nhận xét | - HS nêu: Điền dấu >, < , =  - HS làm bài vào vở.  - HS trình bày kết quả.  24 > 19 56 < 65  35 < 37 90 > 89  68 = 68 71 < 81  - HS trình bày  - HS nhận xét bạn |
| **\* Bài 4:**  - GV phát phiếu bài tập 4 và hướng dẫn cách làm khoanh tròn vào:  a) Chiếc lọ nào có số lớn nhất?  b) Chiếc lọ nào có số bé nhất?  - Cho HS trình bày kết quả | - HS nhận phiếu bài tập và làm việc theo nhóm đôi  - Đại diện nhóm trình bày kết quả. |
| **\*Vận dụng, trải nghiệm:(3’)**  - Hôm nay học bài gì?  - Muốn so sánh số có hai chữ số ta làm như thế nào?  -GV chốt lại nội dung kiến thức bài. | - HS nêu: So sánh số có hai chữ số  - HS nêu |

**Điều chỉnh nội dung sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **HĐ1. Khởi động( 3-5’):** Trò chơi :  *“ Sai ở đâu? Sửa thế nào?”*  **Cách chơi:**  **-** Giáo viên đưa các bài toán so sánh các số có hai chữ số lên bảng:  14 > 91 56> 65  35<37 90 >89  68 = 80 + 6 71< 81  - GV chia lớp thành 2 đội. Các đội chơi sẽ thảo luận trong vài phút phút để truy tìm ra chỗ sai của bài toán, đồng thời đưa ra phương án sửa sai.  - Đội tìm ra và có phương án sửa sai nhanh nhất sẽ trình bày đáp án, nếu chưa đúng thì các đội sau có quyền xin trả lời, khi nào lời giải đã đúng thì khi đó trò chơi sẽ dừng lại.  - Đội chiến thắng là đội tìm ra nhanh nhất những chỗ sai, chỉ ra nguyên nhân sai và sửa lại cho đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương- GV giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục So sánh các số có hai chữ số (tiết 2)  **HĐ2. Luyện tập(25-27’)**  **Bài 1:** **Số nào lớn hơn trong mỗi cặp?**  - Cho HS đọc yêu cầu  - GV hỏi: *Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì?*  - Đính tranh hướng dẫn học sinh so sánh.  - GV cho HS “Đố bạn” theo nhóm đôi: 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời, giải thích vì sao?  - GV nhận xét, chốt đáp án.  **Bài 2: Số nào bé hơn trong mỗi cặp?**  - Cho HS đọc yêu cầu  - Muốn tìm được số bé hơn em cần làm gì ?  - Phát phiếu học tập yêu cầu HS làm phiếu bt .  - GV nhận xét chốt đáp án.  GIẢI LAO  **Bài 3:Đổi chỗ 2 chiếc xe để các số trên xe sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.**  - Cho HS đọc yêu cầu bài  - GV đính các ô tô theo hình trong sách.  - Để sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn ta cần làm gì?  - GV nhận xét, kết luận: Chúng ta cần so sánh, các số tìm số bé nhất xếp đầu tiên, số bé nhất xếp sau cùng. Từ đó đổi chỗ hai ô tô để xếp được số theo thứ tự từ bé đến lớn.  **Bài 4: Đổi chỗ 2 chiếc xe để các số trên xe sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé.**  - Cho HS đọc yêu cầu bài  - GV đính các ô tô theo hình trong sách.  - Để sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn ta cần làm gì?  - GV nhận xét, kết luận tương tự bài 3.  **Chơi trò chơi:**    - GV nêu cách chơi:  + Người chơi bắt đầu từ ô xuất phát, khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm nhận được. Đọc số bé hơn trong ô đó.  + Khi di chuyển đến chân cầu thang hãy leo lên. Nếu là ô ở đỉnh cầu trượt, hãy trượt xuống.  + Trò chơi kết thúc khi có người về đích.  - GV phân chia nhóm 4 HS chơi.  - GV giám sát các em chơi, nhóm nào thắng sẽ được tuyên dương.  **\* Vận dụng, trải nghiệm: (3’)**  - Yêu cầu học sinh đếm và so sánh số bạn nam và bạn nữ trong lớp.  - Nhận xét  - GV nhận xét chung giờ học, tuyên dương những em học tốt, nhắc nhở các em chưa chú ý. | - Cả lớp cùng chơi cùng truy tìm ra chỗ sai của bài toán, đồng thời đưa ra phương án sửa sai.  - HS đọc yêu cầu.  - HS xung phong trả lời.  - HS mở SGK trang 18.  - HS “Đố bạn” theo nhóm đôi: 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời, giải thích vì sao?  - Đại diện các nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - 1 Hs đọc yêu cầu bài 2  - Ta cần so sánh hai số.  - Cả lớp làm bài tập phiếu học tập.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS trả lời.  - HS xung phong lên bảng đổi chỗ hai chiếc ô tô để được kết quả đúng.  - Lớp nhận xét, sửa sai.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS trả lời.  - HS xung phong lên bảng đổi chỗ hai chiếc ô tô để được kết quả đúng.  - Lớp nhận xét, sửa sai.  - HS chơi theo nhóm 4.  - HS chọn ra nhóm thắng  - Đếm và so sánh theo yêu cầu.  - HS lắng nghe. |

**Điều chỉnh nội dung sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**TIẾT 3:LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1. Khởi động(3’)**  **HĐ2. Luyện tập ( 30-32’)**  **Bài 1:**   * GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1 * GV hướng dẫn HS làm bài. * GV giải thích mẫu   Mẫu : 18 > 81 S  - GV cho HS làm bài  Chốt : GV nhận xét HS làm bài.  **Bài 2 :>, <, =**   * GV yêu cầu HS đọc yêu cầu a   - GV đưa bài lên màn hình để chữa bài  - GV yêu cầu một vài HS giải thích cách làm  14 ? 29 36 ? 36  Chốt: Muốn điền dấu vào ô trống ta làm thế nào?  b) GV cho HS quan sát bài b (đã làm phần a)  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - GV hỏi: Phần b yêu cầu gì  - Chữa bài  GV chốt: Cần quan sát kĩ để tìm đường cho ô tô đi đến trạm xăng.  **Bài 3:**  GV gọi HS đọc đề bài  a) Yêu cầu HS đọc to câu hỏi a  - GV nhắc lại: Lớp 1A và lớp 1 B, lớp nào có nhiều HS hơn?  -Yêu cầu HS giải thích  b) Yêu cầu HS đọc to câu hỏi b  - GV nhắc lại: Lớp 1B và lớp 1 C, lớp nào có ít HS hơn?  -Yêu cầu HS giải thích  c) GV gọi HS đọc yêu cầu:  Lớp nào có nhiều HS nhất?  - GV yêu cầu HS giải thích  d) GV gọi HS đọc yêu cầu  Lớp nào có ít HS nhất?  Chốt: Để Trả lời đúng các câu hỏi của bài, em cần làm gì?:  **\* Vận dụng, trải nghiệm: (3’)**  - Bài học hôm nay giúp em củng cố kiến thức gì ?  - Chốt: Nêu cách so sánh hai số có hai chữ số ?  Kết luận:  - Khi so sánh hai các số có hai chữ số ta so sánh chữ số hàng chục nếu chữ số hàng chục bằng nhau thì chúng ta so sánh sang hàng đơn vị, nếu chữ số ở hàng đơn vị nào bé hơn thì nó bé hơn, chữ số hàng đơn vị nào lớn hơn thì nó lớn hơn.  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương những bạn HS chăm chú tham gia phát biểu xây dựng bài, nhắc nhỏ HS chưa chú ý.  - Dặn dò HS về nhà chuẩn bị bài tiếp theo. | * Hát   - HS đọc yêu cầu của bài tập  - HS lắng nghe, làm theo hướng dẫn của GV.   * HS đọc mẫu- Giải thích mẫu * HS làm Vở BT các phần còn lại   - HS nêu kết quả từng phần- HS lắng nghe, nhận xét  b) 90 < 95 điền Đ - HS giải thích  c) 45 > 14 điền Đ - HS giải thích  d) 90 < 49 điền S - HS giải thích  - HS đọc yêu cầu- HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm đôi ( 2 phút)  - Đại diện từng nhóm trình bày kết quả - - HS tiếp sức chữa bài (mỗi nhóm 1 phép so sánh) các bài tiếp theo  - Ta phải so sánh hai số  - HS đọc yêu cầu  - HS nhắc lại yêu cầu  - HS làm bài cá nhân ( Vở BT)  - HS lên bảng ghi các phép tính chỉ đường đi đến trạm xăng  HS cả lớp quan sát – nhận xét  - HS đọc đề bài  - HS làm bảng con  - Nêu : Ta so sánh 33 và 30  33 > 30  Vậy lớp 1A có nhiều HS hơn lớp 1 B,  HS làm bảng con - Ghi đáp án ở bảng con ( Lớp 1B)  - Nêu : Ta so sánh 30 và 35  30 < 35  Vậy lớp 1B có ít HS hơn lớp 1 C.  - HS đọc yêu cầu phần c  - HS nhắc lại yêu cầu  - HS ghi đáp án ở bảng con ( Lớp 1C)  - HS giải thích cách làm : Em so sánh ba số: 33, 30, 35, chữ số hàng chục giống nhau, hàng đơn vị : 5 > 3 , 5 > 0  - HS đọc yêu cầu  - HS trả lời ; Lớp 1B có ít HS nhất  HS giải thích,,,,  -1 HS trả lời – HS nhận xét: Để trả lời đúng các câu hỏi của bài toán, em cần đọc kĩ đề bài, đọc kĩ câu hỏi của bài rồi so sánh các số có hai chữ số để trả lời câu hỏi.  - Bài học củng cố kiến thức so sánh số có hai chữ số.  - HS quan sát.-lắng nghe bạn trả lời:.  - Khi so sánh hai các số có hai chữ số ta so sánh chữ số hàng chục nếu chữ số hàng chục bằng nhau thì chúng ta so sánh sang hàng đơn vị, nếu chữ số ở hàng đơn vị nào bé hơn thì nó bé hơn, chữ số hàng đơn vị nào lớn hơn thì nó lớn hơn.  - HS lắng nghe. |

**Điều chỉnh nội dung sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Luyện Toán - Lớp 1A**

**Chủ đề 6: Các số đến 100**

**Tên bài dạy: LUYỆN TẬP**

*Thời gian thực hiện: Ngày 31/1/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách so sánh các số có hai chữ số

- Vận dụng để xếp thứ tự các số, xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số cho trước ( có không quá 4 số)

**II. Hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| Cho HS làm các bài tập trong VBT trang 16, 17  **Bài 1/16:** Viết(theo mẫu)  - GV giải thích bài mẫu  **Bài 2/17:** Viết dấu >, <, = thích hợp vào ô trống  **Bài 3/17:** Tô màu vào quả xoài có số lớn nhất  **Bài 4/17:** Tô màu vào bông hoa có số bé nhất  **Bài 5/17:**  - Chấm vở, nhận xét | - HS lắng nghe  - Thực hiện các bài tiếp theo vào VBT  a) 36 < 42 42 > 36  b) 45> 43 43 < 45  c) 27 < 30 30 > 27  - HS làm bảng con  25 < 28 32 > 29 48 < 50  64 > 59 78 < 87 95 < 99  56 < 75 19 = 19 84 > 48  - HS quan sát so sánh tìm ra quả xoài có số lớn nhất và tô màu  a) 39  b) 48  c) 80  - HS quan sát so sánh tìm ra bông hoa có số bé nhất và tô màu  a) 21  b) 56  c) 73  - HS đọc đề toán sau đó điền vào chỗ chấm  - Bạn ***Nam*** trồng được nhiều cây hoa nhất  - Bạn Mai trồng được ít cây hoa nhất |

**Điều chỉnh nội dung sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Toán - Lớp 1A**

**Tên bài dạy: Luyện tập**

*Thời gian thực hiện: 1/1/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách so sánh các số có hai chữ số

Vận dụng để xếp thứ tự các số , xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số cho trước ( có không quá 4 số)

**II. Hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| Cho HS làm các bài tập trong VBT trang 20, 21  **Bài 1/20:** Đúng ghi Đ, sai ghi S  - GV hướng dẫn HS làm bài  **Bài 2/20:** Viết dấu >, <, = thích hợp vào ô trống  **Bài 3/20:** Tô màu xanh vào gấu bông có số bé nhất, màu đỏ vào gấu bông có số lớn nhất  **Bài 4/21:** Mai có 32 bông hoa. Việt có 29 bông hoa. Nam có 35 bông hoa.  Viết tên thích hợp vào chỗ chấm  **Bài 5/21:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm  - Chấm vở, nhận xét | - HS lắng nghe  - HS làm bảng con: a) Đ, b) Đ  c) S, d) Đ  - HS làm bảng con  34 > 31 27 > 19 45 < 40 + 7  56 < 65 89 < 95 54 = 50 + 4  62 > 43 48 < 60 86 > 70 + 9  - HS quan tô màu theo yêu cầu  + Màu xanh: 43, 64  + Mầu đỏ: 99, 97  - HS đọc đề toán và thực hiện theo yêu cầu  a) Mai có nhiều hoa hơn Việt  b) Mai có ít hoa hơn Nam  c) Nam có nhiều hoa nhất  d) Việt có ít hoa nhất  - HS viết số: 35, 37, 57, 53, 73, 75 |

**Điều chỉnh nội dung sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..